TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/DS-ST
Ngày: 19/10/2018

V/v "Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Viết Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Tạc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà H'Mi Chan Niê – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2017 về việc "Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 74/2018/QĐST-DS ngày 04/10/2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị L – Sinh năm 1957 (Có mặt)
Địa chỉ: Đường A, buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**** Bị đơn***: Ông Đào Xuân T - Sinh năm 1963 (vắng mặt)
Bà Phạm Thị N - Sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường A, buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*** Ngày 27/11/2012 âm lịch, ông Đào Xuân T và bà Phạm Thị N – Trú tại đường B, Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền 43.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy tay, không có công chứng chứng thực, thời hạn trả nợ theo thỏa thuận là ngày 10/12/2013 âm lịch. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ ông T, bà N không trả như cam kết mặc dù bà L đã đòi nhiều lần. Đến nay ông T, bà N vẫn chưa trả khoản tiền nói trên cho bà L. Vì vậy bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà N phải trả lại cho bà L số tiền nợ gốc là 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng), không yêu cầu ông T bà N trả tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Đào Xuân T, bà Phạm Thị N đều không đến Tòa án để làm việc.

Kết quả xác minh về nơi cư trú của Đào Xuân T, bà Phạm Thị N như sau: Ông Đào Xuân T, bà Phạm Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và hiện chưa cắt khẩu khỏi địa phương.

Do "Giấy vay tiền" mà nguyên đơn bà Nguyễn Thị L cung cấp cho Tòa án để làm căn cứ khởi kiện là giấy viết tay, không có công chứng, chứng thực nên theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 02/2017/HĐCN ngày 10/4/2017 giữa bên bán là ông Đào Xuân T, bà Phạm Thị N với bên mua là bà Hoàng Thị T được công chứng và lưu trữ tại Văn phòng công chứng Đ và trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Đào Xuân T, bà Phạm Thị N để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại kết luận giám định số 88/PC09 ngày 27/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk thể hiện như sau:

"1. Chữ ký, chữ viết mang tên Đào Xuân T dưới mục "Người vay" trong Giấy vay tiền đề ngày 27 tháng 11 năm 2012 âm lịch (Kí hiệu A1) so với chữ ký chữ viết đứng tên Đào Xuân T trong tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, là không phải do cùng một người ký và viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm T N dưới mục "Người vay" trong Giấy vay tiền đề ngày 27 tháng 11 năm 2012 âm lịch (Kí hiệu A1) so với chữ ký chữ viết đứng tên đứng tên Phạm Thị N trong tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, là do cùng một người ký và viết ra".

*** Diễn biến tại phiên tòa:** Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc một mình bà Phạm Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 43.000.000 đồng, không yêu cầu ông Đào Xuân T phải trả nợ.

Đối với tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 5.040.000 đồng chi phí đã nộp.

*** Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:**

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị N có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền nợ gốc là 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng) và không tính lãi.

- *Về án phí:* Buộc bà Phạm Thị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp "Kiện đòi tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Đào Xuân T, bà Phạm Thị N vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đào Xuân T, bà Phạm Thị N theo quy định.

[2] Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đã cung cấp cho Tòa án, qua kết luận giám định số 88/PC09 ngày 27/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Do chữ ký, chữ viết mang tên Đào Xuân T thể hiện trong Giấy vay tiền mà bà L cung cấp cho Tòa án không phải chữ ký, chữ viết thật của ông Đào Xuân T nên không có đủ cơ sở để buộc ông Đào Xuân T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị L. Tại phiên tòa bà L cũng đã yêu cầu Hội đồng xét xử buộc một mình bà Phạm Thị N phải trả nợ cho bà là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với chữ ký, chữ viết của bà Phạm Thị N trong Giấy vay tiền mà bà L cung cấp cho Tòa án được xác định đúng là chữ ký, chữ viết của bà Phạm Thị N, do đó đủ

căn cứ để xác định bà Phạm Thị N có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền 43.000.000 đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Phạm Thị N không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện xem như đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Phạm Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 43.000.000 đồng (Bốn mươi ba triệu đồng).

Về lãi suất, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị N phải trả lãi suất phát sinh trên số nợ gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Cấm ông Đào Xuân T, bà Phạm Thị N thực hiện các hành vi chuyển nhượng, tặng cho, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn đối với tài sản là Quyền sử dụng đất của thửa đất số 413, tờ bản đồ 12 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 12 Điều 114 BLTTDS. Qua xác minh có căn cứ xác định ông Đào Xuân T, bà Phạm Thị N thực hiện việc chuyển nhượng tài sản nói trên, do đó Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2017/QĐ-BPBĐ ngày 26/4/2017. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả giám định chữ ký, chữ viết, không có đủ căn cứ để buộc ông Đào Xuân T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị L. Do vậy, không đủ cơ sở để tiếp tục việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2017/QĐ-BPBĐ ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cụ thể: 43.000.000 đồng x 5% = 2.150.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 111, Điều 112, Điều 144, Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

*** Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Phạm Thị N phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng)

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2017/QĐ-BPBĐ ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

*** Về án phí:** Bị đơn bà Phạm Thị N phải chịu phải chịu 2.150.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền 1.075.000 đồng (một triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà Bùi Thị Kim L đã nộp thay Nguyễn Thị L theo biên lai thu số AA/2016/0000197 ngày 12/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

Đối với chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết (đã nộp và chi phí xong).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Trang